

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Hà Nội tháng 3 năm 2022

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 34

## TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("Tổng công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("báo cáo tài chính riêng") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Bùi Hồng Minh	Chủ tịch (chuyển công tác từ ngày 01/6/2021)
Ông Phạm Văn Nhuận	Phụ trách HĐQT từ ngày 18/6/2021
Ông Lê Nam Khánh	Thành viên
Ông Phạm Đức Cường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/5/2021)

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Nam Khánh	Tổng giám đốc
Ông Đinh Quang Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Hữu Hà	Phó Tổng giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty Xi măng Việt Nam trong năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,



Lê Nam Khánh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội ngày 31 tháng 3 năm 2022



Số: 105/2022/BCKT-AVI-TC1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên  
Ban Tổng giám đốc  
Tổng công ty Xi măng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("báo cáo tài chính riêng"), được lập ngày 31/3/2022 và trình bày từ trang số 04 đến trang số 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Ngô Việt Thanh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2018-055-1

**Đoàn Thu Hằng**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**MÃ SỐ B01 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.381.447.886.689</b>	<b>4.100.522.221.834</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>960.225.350.852</b>	<b>840.250.097.879</b>
1. Tiền	111		268.349.897.759	286.178.962.315
2. Các khoản tương đương tiền	112		691.875.453.093	554.071.135.564
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.567.517.940.562</b>	<b>1.395.180.479.091</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	1.567.517.940.562	1.395.180.479.091
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.843.356.968.499</b>	<b>1.853.626.924.433</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	121.595.616.570	89.689.012.628
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	80.638.025.389	80.690.052.118
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.349.236.858.119	1.199.236.858.119
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	293.442.364.403	485.813.516.362
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.555.895.982)	(1.802.514.794)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>19.762.638</b>	<b>15.837.315</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.762.638	15.837.315
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.327.864.138</b>	<b>11.448.883.116</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17	128.863.637	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.080.851.199	3.330.733.814
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	8.118.149.302	8.118.149.302
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.342.253.196.792</b>	<b>12.352.288.862.538</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>392.356.813.390</b>	<b>391.588.800.738</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	17.873.019.285	16.900.329.977
- Nguyên giá	222		80.686.605.857	76.068.980.113
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.813.586.572)	(59.168.650.136)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	374.483.794.105	374.688.470.761
- Nguyên giá	228		392.700.060.022	392.700.060.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.216.265.917)	(18.011.589.261)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>882.216.062.852</b>	<b>882.216.062.852</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	882.216.062.852	882.216.062.852
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>11.053.888.518.550</b>	<b>11.064.692.196.948</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	11.726.405.206.449	11.846.405.206.449
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	2.005.951.403.394	2.005.951.403.394
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	342.169.399.950	342.169.399.950
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.020.637.491.243)	(3.129.833.812.845)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.791.802.000</b>	<b>13.791.802.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	13.791.802.000	13.791.802.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>16.723.701.083.481</b>	<b>16.452.811.084.372</b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B01 - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>414.727.094.176</b>	<b>436.295.389.671</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>414.727.094.176</b>	<b>436.295.389.671</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	29.078.663.283	36.750.610.605
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.050.554.486	19.541.018.361
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	181.167.285.148	120.722.746.763
4. Phải trả người lao động	314		36.298.678.811	34.155.984.445
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	23.404.288.304	62.832.794.425
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	98.185.296.493	138.466.419.817
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	-	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		37.542.327.651	23.825.815.255
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>16.308.973.989.305</b>	<b>16.016.515.694.701</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>16.308.973.989.305</b>	<b>16.016.515.694.701</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.033.985.412.409	15.033.985.412.409
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		97.859.545.560	97.859.545.560
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.177.129.031.336	884.670.736.732
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>16.723.701.083.481</b>	<b>16.452.811.084.372</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập

Trịnh Thị Hương

Kế toán trưởng

Văn Quang Đức

Tổng Giám đốc



Lê Nam Khánh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MẪU SỐ B02 - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2021	Năm 2020
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	151.585.358.151	148.844.292.761
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		151.585.358.151	148.844.292.761
4. Giá vốn hàng bán	11	26	8.856.110.399	8.524.807.910
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		142.729.247.752	140.319.484.851
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	959.572.883.211	947.724.188.966
7. Chi phí tài chính	22	28	(108.922.257.647)	(31.201.305.387)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48.657.534	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	233.541.872.129	312.207.994.203
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		977.682.516.481	807.036.985.001
11. Thu nhập khác	31	30	11.595.051	28.942.714
12. Chi phí khác	32	30	2.833.129.521	3.732.399.774
13. Lợi nhuận khác	40		(2.821.534.470)	(3.703.457.060)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		974.860.982.011	803.333.527.941
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		974.860.982.011	803.333.527.941

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập



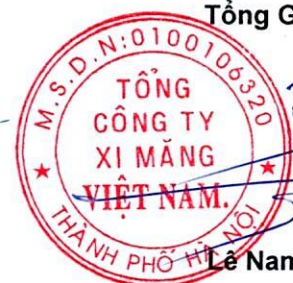
Trịnh Thị Hương

Kế toán trưởng



Văn Quang Đức

Tổng Giám đốc



Lê Nam Khánh

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**MÃ SỐ B03 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	974.860.982.011	803.333.527.941
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.849.613.092	2.346.848.641
- Các khoản dự phòng	03	(109.442.940.414)	(30.774.768.009)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	179.439.075	6.099.745
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(959.569.941.531)	(947.694.191.926)
- Chi phí lãi vay	06	48.657.534	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(90.074.190.233)	(172.782.483.608)
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(30.431.123.335)	56.492.914.098
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(3.925.323)	(6.750.715)
- Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	26.185.580.721	41.746.641.950
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(128.863.637)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(48.657.534)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	20.500.404.342	29.380.524.929
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(38.836.876.604)	(89.166.479.673)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(112.837.651.603)</b>	<b>(134.335.633.019)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4.617.625.744)	(6.581.887.795)
2. Tiền chi cho vay	23	(2.120.000.000.000)	(2.251.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	1.821.686.177.195	2.034.493.734.146
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.127.743.883.561	552.701.084.040
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>824.812.435.012</b>	<b>329.612.930.391</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	111.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(111.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(591.820.091.361)	(826.906.458.190)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(591.820.091.361)</b>	<b>(826.906.458.190)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>120.154.692.048</b>	<b>(631.629.160.818)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>840.250.097.879</b>	<b>1.471.885.358.442</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(179.439.075)	(6.099.745)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>960.225.350.852</b>	<b>840.250.097.879</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập

Trịnh Thị Hương

Kế toán trưởng

Văn Quang Đức

Tổng Giám đốc



Lê Nam Khánh



## **TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

##### **Hình thức sở hữu**

Tổng công ty Xi măng Việt Nam (“Tổng công ty” hay “VICEM”) là một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 197/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng công ty được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tổng công ty cũng nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ năm được cấp ngày 14 tháng 4 năm 2020.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 230 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 241 người).

##### **Hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker.

Ngành nghề kinh doanh liên quan:

- Kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng;
- Lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng;
- Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

##### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

##### **Cấu trúc của Tổng công ty**

Cơ cấu Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam bao gồm Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

- Ban quản lý Dự án Trung tâm Điều hành VICEM và Khu tổng hợp Vĩnh Tuy Thành phố Hà Nội.
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi, Nghệ An.
- Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (CCID).

Đơn vị hành chính sự nghiệp:

- Viện Công nghệ Xi măng Vicem.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng công ty như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Hải Dương	100%	100%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Ninh Bình	100%	100%	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Hồ Chí Minh	79,84%	79,98%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Thanh Hóa	73,15%	73,15%	Sản xuất xi măng
6.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Hà Nam	79,51%	79,51%	Sản xuất xi măng
7.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Nghệ An	73,80%	73,80%	Sản xuất xi măng
8.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Đà Nẵng	75,75%	75,75%	Sản xuất xi măng
9.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Phú Thọ	80,79%	80,79%	Sản xuất xi măng
10.	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	82,69%	82,69%	Sản xuất xi măng
11.	Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Hà Nội	62,95%	62,95%	Kinh doanh than, rác bùn thải
12.	Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Hà Nội	59,64%	59,64%	Kinh doanh xi măng
13.	Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đà Nẵng	65,81%	65,81%	Kinh doanh xi măng, VLXD
14.	Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Thừa Thiên Huế	59,18%	61,21%	Kinh doanh thạch cao
15.	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Hải Phòng	53,86%	53,86%	Dịch vụ vận tải
16.	Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Hải Dương	51,61%	51,61%	Dịch vụ vận tải
17.	Công ty Cổ phần Logistic Vicem	Hồ Chí Minh	50,08%	50,08%	Dịch vụ vận tải
18.	Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng (đã hoàn thành giải thể năm 2021)	Hải Phòng	63,63%	63,63%	Kinh doanh Bất động sản



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngoài các công ty con góp vốn đầu tư trực tiếp, Tổng công ty có các công ty con sở hữu gián tiếp (thông qua các công ty con khác) như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long)	Hồ Chí Minh	82,69%	100,00%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn)	Thanh Hóa	56,18%	76,80%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1)	Hồ Chí Minh	51,80%	65,00%	Kinh doanh bất động sản
4.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức (công ty con của Công ty Cổ phần Logistic Vicem) (*)	Hồ Chí Minh	49,10%	98,04%	Kinh doanh bất động sản

(\*) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết được tính trên vốn góp thực tế của chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2021.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty

STT	Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Xi măng Nghi Sơn	Thanh Hóa	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Hồ Chí Minh	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
3.	Công ty Xi măng Chinfon	Hải Phòng	14,44%	(i)	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Cần Thơ	48,17%	48,17%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (ii)	Hải Phòng	48,99%	48,99%	Sản xuất bao bì
6.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn (ii)	Hà Nam	34,29%	34,29%	Sản xuất bao bì
7.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (ii)	Thanh Hóa	48,99%	48,99%	Sản xuất bao bì
8.	Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch (ii)	Hải Dương	27,76%	27,76%	Sản xuất bao bì
9.	Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên (ii)	Hồ Chí Minh	38,45%	38,45%	Sản xuất bao bì
10.	Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (ii)	Hà Nội	24,00%	24,00%	Xây dựng

(i) Các công ty liên doanh.

(ii) Theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025 được Bộ Xây dựng phê duyệt kèm theo Quyết định số 868/QĐ-BXD ngày 22/10/2019, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty liên kết này.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("báo cáo tài chính riêng") kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu các báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Các giao dịch và số dư nội bộ liên quan đến đầu tư vốn (cấp vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn vay hộ, ...), cung cấp hàng hóa, dịch vụ, thu hộ, chi hộ, lãi/lỗ nội bộ chưa thực hiện giữa Văn phòng Tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc giữa các đơn vị hạch toán thuộc với nhau được loại trừ khi trình bày các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc được lập cùng năm và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất với báo cáo tài chính của Tổng công ty.

Theo Quyết định số 1008/QĐ-XMVN ngày 15 tháng 6 năm 2011, Hội đồng thành viên Tổng công ty đã phê duyệt việc thành lập Viện Công nghệ Xi măng Vicem, một đơn vị sự nghiệp, tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động, trực thuộc Tổng công ty và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề theo quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ Xi măng Vicem do Tổng công ty phê duyệt. Báo cáo tài chính của Viện Công nghệ Xi măng Vicem hàng năm không được cộng hợp vào báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho cùng năm tài chính.

Tổng công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng này với báo cáo tài chính hợp nhất để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Tổng công ty.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn hoặc ngắn hạn.



Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

Công ty liên kết là công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh trước ngày đầu tư được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư tài chính được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Riêng với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (công ty liên kết) được trích lập dự phòng như đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài không có ảnh hưởng đáng kể do Tổng công ty có kế hoạch thoái vốn tại đơn vị này.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu tại thời điểm trích lập dự phòng;



- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên nhận đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 4 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 4 năm.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước theo hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Đông Hồi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An vào ngày 23 tháng



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

11 năm 2012 trong thời hạn là 46 năm 10 tháng. Tổng công ty chưa thực hiện phân bổ giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi, Nghệ An.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết tại Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần lớn quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Tổng công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các mối quan hệ đó.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	416.597.093	608.197.166
Tiền gửi ngân hàng	267.933.300.666	285.570.765.149
Các khoản tương đương tiền (*)	691.875.453.093	554.071.135.564
<b>Cộng</b>	<b><u>960.225.350.852</u></b>	<b><u>840.250.097.879</u></b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

**5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.567.517.940.562	1.395.180.479.091
<b>Cộng</b>	<b><u>1.567.517.940.562</u></b>	<b><u>1.395.180.479.091</u></b>

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các tổ chức tín dụng.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (*)	120.483.647.181	88.555.489.153
Phải thu khách hàng khác	1.111.969.389	1.133.523.475
<b>Cộng</b>	<b><u>121.595.616.570</u></b>	<b><u>89.689.012.628</u></b>

(\*) Chi tiết xem tại thuyết minh số 33.



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần TID	56.716.805.883	56.716.805.883
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng	20.996.095.271	20.996.095.271
Các nhà cung cấp khác	2.925.124.235	2.977.150.964
<b>Cộng</b>	<b><u>80.638.025.389</u></b>	<b><u>80.690.052.118</u></b>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	90.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	360.000.000.000	430.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	100.000.000.000	150.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	230.000.000.000	150.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	289.236.858.119	289.236.858.119
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	150.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	50.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.349.236.858.119</u></b>	<b><u>1.199.236.858.119</u></b>

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	34.802.041	-	29.870.144	-
Phải thu lãi cho vay	29.652.163.040	-	82.710.671.769	-
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	239.517.663.489	-	371.175.621.900	-
Lãi dự thu ngân hàng	23.404.181.529	-	30.885.295.085	-
Tạm ứng	371.000.000	-	455.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	22.000.000	-	12.000.000	-
Phải thu liên quan đến ủy thác xuất khẩu	374.400.384	-	-	-
Phải thu khác	66.153.920	-	545.057.464	-
<b>Cộng</b>	<b><u>293.442.364.403</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>485.813.516.362</u></b>	<b><u>-</u></b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B09 - DN**

**10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÁN HẠN KHÓ ĐÒI**

	31/12/2021		01/01/2021					
	Thời gian quá hạn Năm	Giá gốc có thể thu hồi VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn Năm	Giá gốc có thể thu hồi VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Từ 1 - 2 năm	88.704.000	44.352.000	44.352.000	6 tháng - 1 năm	88.704.000	62.092.800	26.611.200
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	-	-	-	Từ 2 - 3 năm	159.043.358	47.713.007	111.330.351
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	-	-	-	-	6 tháng - 1 năm	120.000.000	84.000.000	36.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Từ 2 - 3 năm	245.630.000	73.689.000	171.941.000	Từ 1 - 2 năm	611.101.000	259.250.880	351.850.120
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Từ 2 - 3 năm	1.064.399.295	319.319.788	745.079.507	Từ 1 - 2 năm	1.364.399.295	682.199.647	682.199.648
Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Trên 3 năm	75.672.438	-	75.672.438	Trên 3 năm	75.672.438	-	75.672.438
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng	Trên 3 năm	518.851.037	-	518.851.037	Trên 3 năm	518.851.037	-	518.851.037
<b>Cộng</b>		<b>1.993.256.770</b>	<b>437.360.788</b>	<b>1.555.895.982</b>		<b>2.937.771.128</b>	<b>1.135.256.334</b>	<b>1.802.514.794</b>



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B09 - DN

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2021	31.091.857.610	1.125.420.343	17.430.980.006	26.420.722.154	76.068.980.113
Mua trong năm	-	-	3.766.683.272	850.942.472	4.617.625.744
Tại ngày 31/12/2021	31.091.857.610	1.125.420.343	21.197.663.278	27.271.664.626	80.686.605.857
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2021	24.399.230.507	1.125.420.343	14.105.878.506	19.538.120.780	59.168.650.136
Khấu hao trong năm	256.658.208	-	496.683.236	2.891.594.992	3.644.936.436
Tại ngày 31/12/2021	24.655.888.715	1.125.420.343	14.602.561.742	22.429.715.772	62.813.586.572
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2021	6.692.627.103	-	3.325.101.500	6.882.601.374	16.900.329.977
Tại ngày 31/12/2021	6.435.968.895	-	6.595.101.536	4.841.948.854	17.873.019.285
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng</i>	12.459.241.181	1.125.420.343	12.680.093.723	18.636.420.972	44.901.176.219
<i>Nguyên giá TSCĐ không có nhu cầu sử dụng</i>	5.799.706.162	-	-	-	5.799.706.162

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm giá trị của Khu nhà điều dưỡng 5 tầng tại thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với giá trị là 5.799.706.162 đồng (đã khấu hao hết) và được Tổng công ty phân loại là tài sản không có nhu cầu sử dụng. Tổng công ty đang trình xin ý kiến Bộ Xây dựng để bàn giao Khu nhà điều dưỡng này cho Viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng - Bộ Xây dựng.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2021	374.116.278.348	13.830.660.674	4.753.121.000	392.700.060.022
Tại ngày 31/12/2021	374.116.278.348	13.830.660.674	4.753.121.000	392.700.060.022
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2021	-	13.610.339.874	4.401.249.387	18.011.589.261
Khấu hao trong năm	-	85.463.328	119.213.328	204.676.656
Tại ngày 31/12/2021	-	13.695.803.202	4.520.462.715	18.216.265.917
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2021	374.116.278.348	220.320.800	351.871.613	374.688.470.761
Tại ngày 31/12/2021	374.116.278.348	134.857.472	232.658.285	374.483.794.105
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	-	13.574.270.674	4.395.481.000	17.969.751.674

Giá trị quyền sử dụng đất tại Khu Đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tổng công ty chưa thực hiện trích khấu hao giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem.

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM (i)	773.954.381.368	773.954.381.368
Dự án xây dựng khu tổng hợp Vĩnh Tuy (ii)	60.063.832.637	60.063.832.637
Dự án nhà máy kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung (iii)	45.755.485.802	45.755.485.802
Dự án khu cảng Đông Hồi (iv)	2.442.363.045	2.442.363.045
<b>Cộng</b>	<b>882.216.062.852</b>	<b>882.216.062.852</b>

- (i) Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM được phê duyệt tại Quyết định số 01510/QĐ-XMVN ngày 23/9/2010 của Hội đồng thành viên VICEM và được phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư theo Quyết định số 02208/QĐ-VMVN ngày 30/12/2011 của Hội đồng thành viên VICEM và Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND Thành phố Hà Nội (điều chỉnh nội dung Giấy Chứng nhận Đầu tư số 01121000884 do UBND Thành phố Hà Nội ban hành ngày 20/9/2010) với tổng mức đầu tư là 2.743,76 tỷ đồng. Trên cơ sở đề nghị của VICEM, UBND Thành phố Hà Nội đã chấp nhận gia hạn tiến độ dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý IV/2020 tại Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019.

Ngày 10/3/2017, Văn phòng Chính phủ đã ban hành văn bản số 2243/VPCP-CN đề nghị Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để chỉ đạo việc chuyển nhượng dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem. Ngày 09/10/2019, Bộ Xây dựng có văn bản số 2394/BXD-QLDN hướng dẫn thủ tục chuyển nhượng dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM, với ý kiến chỉ đạo: (i) Hội đồng thành viên VICEM thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với Lô đất 10E6, khu đô thị mới Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội (Bộ Xây dựng đã có chỉ đạo tại văn bản số 783/BXD-QLDN ngày 16/4/2019, cụ thể: Bộ Xây dựng yêu cầu Hội đồng thành viên VICEM rà soát, cập nhật phương án xử lý nhà, đất theo hình thức "Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất"); (ii) Hội đồng thành viên VICEM triển khai xây dựng và trình Bộ Xây dựng phương án chi tiết việc chuyển nhượng



## TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

dự án này. Ngày 13/11/2019, VICEM có văn bản số 2221/VICEM-HĐTV trình Bộ Xây dựng thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với Lô đất 10E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội. Ngày 22/5/2020, VICEM có văn bản số 1062/VICEM-TGV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong quá trình cổ phần hóa VICEM, theo đó tiếp tục thực hiện theo văn bản số 2221/VICEM-HĐTV ngày 13/11/2019 về thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với lô đất này.

Ngày 25/5/2020, Bộ Xây dựng có Thông báo số 62/TB-BXD, theo đó yêu cầu VICEM rà soát lại toàn bộ các hợp đồng của dự án. Riêng đối với hợp đồng của Gói thầu số 23 đề nghị VICEM làm việc lại với nhà thầu trên nguyên tắc căn cứ hợp đồng ký kết giữa hai bên, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đề xuất và báo cáo Bộ Xây dựng hướng giải quyết. VICEM đã phối hợp làm việc với nhà thầu tìm hướng giải quyết tồn tại của Gói thầu số 23.

Ngày 04/9/2020, Bộ Xây dựng có Thông báo số 107/TB-BXD về kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh yêu cầu VICEM rà soát lại, báo cáo và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đảm bảo khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Trong đó đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với cơ sở nhà đất tại lô 10E6 khu đô thị mới Cầu Giấy, thành phố Hà Nội là "giữ lại tiếp tục sử dụng để đầu tư hoàn thiện dự án trung tâm điều hành và giao dịch Vicem. Ngày 14/12/2021, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 5191/BXD-KHTC gửi VICEM về vấn đề này. Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, VICEM đang tiến hành rà soát, đánh giá, làm rõ để báo cáo Bộ Xây dựng theo yêu cầu tại văn bản số 5191 nêu trên.

- (ii) Dự án xây dựng Khu Tổng hợp 122 Vĩnh Tuy được phê duyệt tại Quyết định số 1000/QĐ-XMVN ngày 04/7/2012 của Hội đồng thành viên VICEM, với tổng mức đầu tư là 6.501 tỷ đồng. Ngày 27/11/2015, UBND Thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 6499/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phân Khu đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000. Theo đó, chức năng của 03 khu thuộc dự án đã thay đổi so với quy hoạch tổng mặt bằng 1/500 và phương án kiến trúc sơ bộ đã được Sở Quy hoạch kiến trúc Hà Nội phê duyệt tại văn bản số 1980/QHKT-P2 ngày 17/6/2011.

Ngày 17/01/2019, VICEM có văn bản số 120/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo và đề nghị Bộ Xây dựng cho phép tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất 122 Vĩnh Tuy để đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của VICEM như hiện trạng cũng như đảm bảo tiến độ cổ phần hóa. Sau cổ phần hóa, căn cứ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, tái cấu trúc VICEM và quy hoạch của Thành phố Hà Nội, VICEM sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền việc sử dụng đất trên theo đúng quy định. Ngày 01/3/2019, Bộ Xây dựng có văn bản số 387/BXD-KHTC gửi Bộ Tài chính về việc thống nhất với đề xuất của VICEM và đề nghị Bộ Tài chính thực hiện việc xử lý, sắp xếp theo quy định. Bộ Tài chính đã tiến hành kiểm tra hiện trạng khu đất ngày 13/5/2019; sau đó đã có ý kiến tại văn bản số 15226/BTC-QLCS ngày 16/12/2019, và Bộ Xây dựng đã có ý kiến chỉ đạo VICEM tại văn bản số 25/BXD-KHTC ngày 03/01/2020 và văn bản số 30/TB-BXD ngày 10/3/2020. Ngày 22/5/2020, VICEM đã có văn bản số 1062/VICEM-TGV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong quá trình cổ phần hóa VICEM đối với việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất khu đất diện tích 52.083,3 m<sup>2</sup> tại Ngõ 122 Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, cụ thể: (i) Đối với diện tích đất 288,7 m<sup>2</sup>: phương án sắp xếp lại, xử lý theo hình thức "Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý"; (ii) Đối với diện tích đất 17.381 m<sup>2</sup> (do Vicem Hoàng Thạch đang quản lý, sử dụng): giao cho Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch để thực hiện lập báo cáo kê khai phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất; phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa; (iii) Đối với phần diện tích đất còn lại (34.413,6 m<sup>2</sup>): phương án sắp xếp lại, xử lý theo hình thức "Giữ lại tiếp tục sử dụng" để thực hiện dự án Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Công nghệ Vicem trên cơ sở kế thừa dự án Khu Tổng hợp 122 Vĩnh Tuy để điều chỉnh, thành lập Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Công nghệ Vicem theo Đề án tái cơ cấu VICEM, phù hợp với lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh được phép, phù hợp với quy hoạch của Thành phố Hà Nội và quy định pháp luật.

Ngày 04/9/2020, Bộ Xây dựng có Thông báo số 107/TB-BXD về kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh yêu cầu VICEM rà soát lại, báo cáo và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đảm bảo khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.



## TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Ngày 14/12/2021, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 5191/BXD-KHTC gửi VICEM về vấn đề này.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, VICEM đã có văn bản số 449/VICEM-HĐTV ngày 18/3/2022 báo cáo Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Khu đất tại Ngõ 122 Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo các nội dung yêu cầu của Bộ xây dựng tại văn bản số 5191 nêu trên.

- (iii) Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi được triển khai theo Quyết định số 770/QĐ-XMLVN ngày 09/6/2010 của Hội đồng thành viên VICEM với tổng mức đầu tư là 819 tỷ đồng.

Ngày 28/02/2019, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Quyết định số 363/QĐ-VICEM chấp thuận dừng dự án kể từ ngày 30/6/2018 để chuyển nhượng Dự án cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Vicem Hoàng Mai") tiếp tục đầu tư với giá chuyển nhượng không thấp hơn 59,8 tỷ đồng. Ngày 22/5/2020, VICEM có văn bản số 1062/VICEM-TGV gửi Bộ Xây dựng để báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị trong quá trình cổ phần hóa VICEM: Thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý đối với khu đất từ "Giữ lại tiếp tục quản lý, sử dụng ... để thực hiện dự án" thành "Chuyển nhượng dự án cho Vicem Hoàng Mai".

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Theo đó đề xuất Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho VICEM được điều chỉnh dự án để góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai để thực hiện dự án Xi măng Hoàng Mai 2. Ngày 14/12/2021, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 5191/BXD-KHTC gửi VICEM về vấn đề này. Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, VICEM đang rà soát để báo cáo Bộ Xây dựng theo các nội dung của văn bản số 5191 nêu trên.

- (iv) Dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi được thực hiện theo Quyết định số 659/QĐ-VICEM do Hội đồng thành viên Tổng công ty ban hành ngày 04/4/2016, với tổng mức đầu tư là 1.978 tỷ VND.

Ngày 20/11/2018, Hội đồng thành viên Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 2146/QĐ-VICEM phê duyệt chấm dứt dự án đầu tư xây dựng Cảng Đông Hồi kể từ ngày 30/6/2018 với giá trị quyết toán là 2.680.806.045 đồng.

Tổng công ty đã có văn bản số 381/VICEM-QLĐTXD ngày 04/3/2019 đề nghị Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Vicem Hoàng Mai có ý kiến để Vicem Hoàng Mai có văn bản gửi Tổng công ty về việc nhận chuyển nhượng dự án Nhà máy KCBT-VLXD không nung Đông Hồi và Cảng VICEM tại Đông Hồi theo hình thức thỏa thuận trước ngày 15/3/2019, đồng thời hoàn thiện các thủ tục pháp lý của bên nhận chuyển nhượng, tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng chuyển nhượng với Tổng công ty trước ngày 20/3/2019.

Ngày 05/10/2020, Vicem Hoàng Mai có văn bản số 3249/BC-XMLHM báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, trong đó có nội dung: dự án đang tạm giãn tiến độ triển khai do hiện nay UBND tỉnh Nghệ An đang phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải lập quy hoạch cảng Đông Hồi giai đoạn 2020-2035 và tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 22/9/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1579/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty vẫn đang phối hợp, đôn đốc Vicem Hoàng Mai tiếp tục bám sát ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Nghệ An để rà soát, triển khai dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi phù hợp quy hoạch đồng bộ với dự án Nhà máy Xi măng Hoàng Mai 2.



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN****14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	1.875.000.000.000	-	1.875.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	1.021.101.622.719	(86.927.572.826)	1.021.101.622.719	(145.935.760.178)
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	1.132.027.198.900	(1.010.475.649.363)	1.132.027.198.900	(1.025.258.742.215)
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	2.584.434.333.100	-	2.584.434.333.100	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	733.291.747.950	-	733.291.747.950	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	898.556.152.000	-	898.556.152.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	510.918.000.000	-	510.918.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	314.637.600.000	-	314.637.600.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	516.550.000.000	(263.298.625.285)	516.550.000.000	(287.682.988.005)
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.605.858.460.000	(1.605.858.460.000)	1.605.858.460.000	(1.605.858.460.000)
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	279.365.401.780	-	279.365.401.780	-
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	35.786.140.000	-	35.786.140.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	65.147.000.000	-	65.147.000.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	41.990.150.000	-	41.990.150.000	-
Công ty Cổ phần Vicem TMDV Vận tải Hải Phòng	16.290.600.000	-	16.290.600.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	3.354.500.000	-	3.354.500.000	-
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	92.096.300.000	-	92.096.300.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng (*)	-	-	120.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.726.405.206.449</b>	<b>(2.966.560.307.474)</b>	<b>11.846.405.206.449</b>	<b>(3.064.735.950.398)</b>

(\*) Đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng đã hoàn thành các thủ tục giải thể. Theo đó, Tổng công ty thực hiện ghi giảm khoản đầu tư vào công ty này tương ứng với số tiền đầu tư vốn đã được hoàn trả.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trưng Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B09 - DN**

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Xi măng Nghi Sơn	872.610.611.500	-	872.610.611.500	-
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	814.863.899.899	-	814.863.899.899	-
Công ty Xi măng Chinfon	194.035.068.000	-	194.035.068.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	36.611.500.000	-	36.611.500.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	14.754.500.000	-	14.754.500.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	22.634.323.995	-	22.634.323.995	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	18.620.000.000	-	18.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	4.441.000.000	-	4.441.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	15.380.500.000	-	15.380.500.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	12.000.000.000	(8.628.000.000)	12.000.000.000	(11.640.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>2.005.951.403.394</b>	<b>(8.628.000.000)</b>	<b>2.005.951.403.394</b>	<b>(11.640.000.000)</b>

**16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tám lợp VLXD Đồng Nai	43.625.888.700	(32.704.293.840)	43.625.888.700	(41.040.090.540)
Công ty Cổ phần Tài chính Tín Việt	97.543.511.250	-	97.543.511.250	-
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie	96.000.000.000	(12.744.889.929)	96.000.000.000	(12.417.771.907)
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie	105.000.000.000	-	105.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>342.169.399.950</b>	<b>(45.449.183.769)</b>	<b>342.169.399.950</b>	<b>(53.457.862.447)</b>



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>128.863.637</b>	-
Chi phí sửa chữa	128.863.637	-
<b>Dài hạn</b>	<b>13.791.802.000</b>	<b>13.791.802.000</b>
Tiền thuê đất dự án nhà máy kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Nghệ An, Đông Hồi	13.791.802.000	13.791.802.000

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>2.296.027.600</b>	<b>2.296.027.600</b>	<b>1.249.425.878</b>	<b>1.249.425.878</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	169.650.000	169.650.000	81.900.000	81.900.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	349.991.600	349.991.600	349.991.600	349.991.600
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	1.776.386.000	1.776.386.000	817.534.278	817.534.278
<b>Phải trả người bán khác</b>	<b>26.782.635.683</b>	<b>26.782.635.683</b>	<b>35.501.184.727</b>	<b>35.501.184.727</b>
Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192
Công ty CP các hệ thống viễn thông VINECO	-	-	3.479.853.300	3.479.853.300
Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Thăng Long	-	-	4.901.845.000	4.901.845.000
Các nhà cung cấp khác	1.592.241.491	1.592.241.491	1.929.092.235	1.929.092.235
<b>Cộng</b>	<b>29.078.663.283</b>	<b>29.078.663.283</b>	<b>36.750.610.605</b>	<b>36.750.610.605</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	49.993.489	10.287.486.388	10.337.479.877	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.420.581.216	23.114.443.737	19.064.118.909	5.470.906.044
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.095.621.635)	-	-	(8.095.621.635)
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách	119.252.172.058	648.264.298.407	591.820.091.361	175.696.379.104
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	10.537.580.612	10.537.580.612	-
Các loại thuế, phí khác	(22.527.667)	1.706.976.430	1.706.976.430	(22.527.667)
- Phải thu	(22.527.667)	-	-	(22.527.667)
- Phải nộp	-	1.706.976.430	1.706.976.430	-
<b>Cộng</b>	<b>112.604.597.461</b>	<b>693.910.785.574</b>	<b>633.466.247.189</b>	<b>173.049.135.846</b>
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8.118.149.302			8.118.149.302
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	120.722.746.763			181.167.285.148

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả đầu tư XD CB	19.415.981.031	19.415.981.031
Trích trước chi phí xây dựng Nhà truyền thống xi măng Việt Nam	-	27.080.129.170
Trích trước chi phí thực hiện các chương trình An sinh xã hội - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	8.109.200.000
Trích trước chi phí giải quyết chế độ cho người lao động dôi dư - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	4.615.500.000
Chi phí phải trả khác	3.988.307.273	3.611.984.224
<b>Cộng</b>	<b><u>23.404.288.304</u></b>	<b><u>62.832.794.425</u></b>

**21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	122.568.455	122.123.686
Phải trả về cổ phần hóa	10.200.000	10.200.000
Quỹ ủng hộ công tác xã hội, từ thiện (i)	6.487.058.709	4.401.654.367
Quỹ hỗ trợ Tây Nam Bộ (ii)	3.199.157.822	3.199.157.822
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	-	120.000.000.000
Phải trả các đơn vị liên quan đến ủy thác xuất khẩu	78.926.218.248	-
Các khoản khác	9.440.093.259	10.733.283.942
<b>Cộng</b>	<b><u>98.185.296.493</u></b>	<b><u>138.466.419.817</u></b>

- (i) Quỹ ủng hộ từ thiện và nhân đạo của Tổng công ty nhằm mục đích hỗ trợ các đơn vị thành viên có nhiều khó khăn về sản xuất kinh doanh, thu nhập của CNVC lao động thấp; để hỗ trợ các đơn vị, cá nhân giúp đỡ ủng hộ Tổng công ty trong việc thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị, chăm lo đến việc làm thu nhập của CBCNV Tổng công ty; để ủng hộ công tác từ thiện, nhân đạo, xã hội của Tổng công ty. Quỹ được xây dựng bằng một phần tiền lương tự nguyện ủng hộ của CBCNV lao động và các nguồn hỗ trợ khác.
- (ii) Quỹ hỗ trợ Tây Nam Bộ: Quỹ được lập trên cơ sở chỉ đạo của Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ để thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nguồn hình thành Quỹ được đóng góp từ các đơn vị thành viên VICEM và Công ty mẹ Tổng công ty Xi măng Việt Nam.

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	3.556.554,89	80.636,76
- Euro (EUR)	483,77	488,32



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN**

**23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	-	111.000.000.000	111.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>111.000.000.000</b>	<b>111.000.000.000</b>	-	-

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2021/25/HĐTCTC ngày 30/7/2021, giá trị hạn mức thấu chi là 111.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất trong hạn cố định 4%/năm, thời hạn thấu chi tối đa 59 ngày. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 301/2019/HĐTGT.TX ngày 09/7/2021.

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND		Vốn khác của chủ sở hữu VND		Quỹ đầu tư phát triển VND		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		Cộng VND	
	VND		VND		VND		VND		VND	
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>15.033.985.412.409</b>		<b>97.859.545.560</b>		<b>643.670.678.349</b>		<b>-</b>		<b>15.775.515.636.318</b>	
Lãi trong năm	-		-		-		803.333.527.941		803.333.527.941	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-		-		241.000.058.383		(241.000.058.383)		-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-		-		-		(34.081.297.500)		(34.081.297.500)	
Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách	-		-		-		(528.252.172.058)		(528.252.172.058)	
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>15.033.985.412.409</b>		<b>97.859.545.560</b>		<b>884.670.736.732</b>		<b>-</b>		<b>16.016.515.694.701</b>	
Lãi trong năm	-		-		-		974.860.982.011		974.860.982.011	
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-		-		292.458.294.604		(292.458.294.604)		-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-		-		-		(34.138.389.000)		(34.138.389.000)	
Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách	-		-		-		(648.264.298.407)		(648.264.298.407)	
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>15.033.985.412.409</b>		<b>97.859.545.560</b>		<b>1.177.129.031.336</b>		<b>-</b>		<b>16.308.973.989.305</b>	

(\*) Tại ngày 31/12/2021, VICEM tạm trích Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. VICEM sẽ thực hiện điều chỉnh (nếu có) khi có quyết định phê duyệt báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận của Bộ Xây dựng.

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Phí tư vấn	148.867.681.085	141.914.530.238
Doanh thu dịch vụ khác	2.717.677.066	6.929.762.523
<b>Cộng</b>	<b>151.585.358.151</b>	<b>148.844.292.761</b>

**Phí tư vấn với các bên liên quan**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	53.506.775.304	33.000.262.798
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	10.691.102.868	2.858.769.652
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	-	780.353.242
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	54.540.543.588	95.392.364.234
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	19.266.591.922	277.213.806
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	6.594.064.156	3.372.789.628
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	164.334.292	121.170.713
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	-	282.712.870
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	195.305.140	57.890.130
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	-	2.330.565.299
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	3.030.847.628	1.125.904.957
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	-	236.037.072
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	-	69.708.001
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	-	147.641.587
Công ty Cổ phần TMDVVT Xi măng Hải Phòng	-	40.414.290
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	-	3.021.596
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	-	702.686.214
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	320.265.356	306.525.980
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	116.153.079	212.748.019
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	218.427.593	374.144.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	223.270.159	221.606.150
<b>Cộng</b>	<b>148.867.681.085</b>	<b>141.914.530.238</b>

**Doanh thu khác với các bên liên quan**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	71.472.727	380.031.603
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	229.113.886	677.977.065
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	52.967.273	139.746.296
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	503.585.091	2.881.039.173
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	346.727.273	483.781.545
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	187.295.455	747.638.185
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	127.984.910
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	-	69.582.172
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	60.978.841	249.912.727
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	24.326.580	57.729.504
Công ty Xi măng Chinfon	-	285.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.476.467.126</b>	<b>6.100.423.180</b>



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**26. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.856.110.399	8.524.807.910
<b>Cộng</b>	<b>8.856.110.399</b>	<b>8.524.807.910</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	83.824.684.295	81.732.504.933
Lãi cho các đơn vị thành viên vay vốn	53.951.902.083	69.186.703.123
Cổ tức, lợi nhuận được chia	821.793.355.153	796.774.983.870
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.941.680	29.997.040
<b>Cộng</b>	<b>959.572.883.211</b>	<b>947.724.188.966</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi vay thấu chi	48.657.534	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	225.406.421	37.192.562
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(109.196.321.602)	(31.238.497.949)
<b>Cộng</b>	<b>(108.922.257.647)</b>	<b>(31.201.305.387)</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	145.042.983.030	143.054.039.711
Chi phí vật liệu quản lý	2.248.330.235	1.828.810.601
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.256.434.125	2.144.641.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.573.610.906	1.946.219.366
Thuế, phí và lệ phí	11.378.350.772	24.910.283.014
Hoàn nhập/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(246.618.812)	463.729.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.449.563.615	38.812.442.542
Chi phí khác	57.839.218.258	99.047.827.351
<b>Cộng</b>	<b>233.541.872.129</b>	<b>312.207.994.203</b>

**Trong đó:**

Thu nhập của Ban Kiểm soát	830.246.600	956.564.000
----------------------------	-------------	-------------

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**30. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Tiền phạt thu được	-	24.500.000
Các khoản khác	11.595.051	4.442.714
<b>Cộng</b>	<b>11.595.051</b>	<b>28.942.714</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Tiền thuế GTGT không được trừ phân bổ	1.133.611.918	2.319.620.595
Tiền chậm nộp thuế, phạt thuế, truy thu thuế	1.698.074.310	49.215.002
Các khoản khác	1.443.293	1.363.564.177
<b>Cộng</b>	<b>2.833.129.521</b>	<b>3.732.399.774</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Tại ngày 31/12/2021, Tổng công ty có khoản lỗ tính thuế là 774.923.129.551 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Do đó, không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm tài chính 2021. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ còn lại vì Tổng công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.504.764.360	3.973.452.279
Chi phí nhân công	147.205.081.129	146.538.609.575
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.849.613.092	2.346.848.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.449.563.615	38.812.442.542
Chi phí khác bằng tiền	75.388.960.332	129.061.449.076
<b>Cộng</b>	<b>242.397.982.528</b>	<b>320.732.802.113</b>

**33. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Công ty con
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Công ty con
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Công ty con
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Công ty con
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	Công ty con



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Viện Công nghệ Xi măng Vicem	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	Công ty con (Đã giải thể)
Công ty Xi măng Chinfon	Công ty liên doanh (đồng kiểm soát)
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Công ty liên doanh (đồng kiểm soát)
Công ty Xi măng Nghi Sơn	Công ty liên doanh (đồng kiểm soát)
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty liên kết

Trong năm, ngoài các giao dịch đã trình bày ở các thuyết minh khác, Tổng công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

**Doanh thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	131.339.257.632	116.584.926.335
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	364.923.105.600	364.923.105.600
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	27.037.204.500	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	6.291.152.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	-	5.892.516.300
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	2.862.891.200	3.578.614.000
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	-	537.678.750
Công ty Cổ phần TMDVVT Xi măng Hải Phòng	217.208.000	760.228.000
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	335.450.000	335.450.000
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	6.562.361.000	7.874.833.200
Công ty Xi măng Nghi Sơn	79.293.900.000	56.740.950.000
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	142.477.522.971	189.464.367.885
Công ty Xi măng Chinfon	37.327.400.000	33.934.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	10.983.450.000	10.983.450.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	1.180.360.000	1.180.360.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	1.440.366.200	1.440.366.200
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	1.489.600.000	1.862.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	568.448.000	682.137.600
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	2.154.808.050	-
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	5.308.870.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>821.793.355.153</u></b>	<b><u>796.774.983.870</u></b>

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Doanh thu từ lãi cho vay vốn**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	1.314.520.547	3.059.726.025
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	7.858.630.137	15.164.383.564
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	10.022.315.066	16.220.465.753
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	8.799.246.577	9.694.726.027
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	3.233.958.904	1.898.356.165
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	11.843.813.045	12.773.086.684
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	9.528.732.876	9.409.520.549
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	1.350.684.931	966.438.356
<b>Cộng</b>	<b>53.951.902.083</b>	<b>69.186.703.123</b>

**Số dư phải thu chủ yếu từ các bên liên quan****Phải thu về phí tư vấn và khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	17.193.045.170	159.043.358
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	3.566.583.490	166.328.572
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	81.083.990.070	77.281.459.995
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	11.265.387.492	157.500.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	2.126.894.658	3.710.068.588
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	245.630.000	611.101.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	3.442.970.781	4.374.798.125
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	6.618.541	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	-	274.904.000
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	1.290.678.916	1.238.495.452
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	-	76.678.801
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	-	38.193.196
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	-	818.072
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	71.968.015	122.501.462
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	59.056.209	173.702.329
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	62.074.702	117.271.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	68.749.137	52.625.203
<b>Cộng</b>	<b>120.483.647.181</b>	<b>88.555.489.153</b>

**Phải thu lãi cho vay**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	498.082.191	51.506.848
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	3.667.945.206	50.352.328.769
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	8.450.397.258	1.519.520.549
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	2.463.835.617	6.465.821.917
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	3.233.958.904	2.990.410.960
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	9.003.937.015	17.096.219.711
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.798.390.411	4.234.863.015
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	535.616.438	-
<b>Cộng</b>	<b>29.652.163.040</b>	<b>82.710.671.769</b>



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	53.899.107.889	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	184.923.105.600	364.923.105.600
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	-	5.892.516.300
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	335.450.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	360.000.000	360.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>239.517.663.489</u></b>	<b><u>371.175.621.900</u></b>

**Người mua trả tiền trước**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	4.833.175.028
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	-	4.784.262.016
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	1.375.940.574	8.712.260
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	-	5.047.863.622
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	3.861.339.738	4.042.107.460
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	-	176.336.446
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	2.313.343.171	120.006.498
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại xi măng	116.374.589	116.374.589
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	33.604.403	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	61.465.897	-
Công ty Cổ phần TMDVVT Xi măng Hải Phòng	22.824.453	22.824.453
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	2.846.032	-
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	1.262.815.629	389.355.989
<b>Cộng</b>	<b><u>9.050.554.486</u></b>	<b><u>19.541.018.361</u></b>

**Phải thu khác ngắn hạn**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
<b>Phải thu liên quan đến ủy thác xuất khẩu</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	276.329.400	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	94.836	-

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Phải trả khác ngắn hạn**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
<b>Phải trả liên quan đến ủy thác xuất khẩu</b>	<b>78.926.218.248</b>	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	49.852.337.000	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	28.420.477.500	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	232.284.874	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	421.118.874	-
<b>Phải trả khác</b>	<b>2.318.116.518</b>	<b>127.019.528.621</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	3.943.604.814
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	-	120.000.000.000
Viện công nghệ Xi măng Vicem	2.318.116.518	3.075.923.807
<b>Cộng</b>	<b><u>81.244.334.766</u></b>	<b><u>127.019.528.621</u></b>

**Thu nhập của Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc	4.158.728.300	4.956.304.213

**34. CÁC KHOẢN CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TANG**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 486,15 tỷ đồng liên quan đến việc xây dựng "Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM" và "Dự án Xây dựng Khu tổng hợp Vĩnh Tuy".

Như được trình bày tại Thuyết minh số 13, Liên danh nhà thầu Posco E&C Việt Nam và Phục Hưng Holdings đã ký kết hợp đồng xây dựng số 0518/2012/HĐKT-XMVN ngày 06/4/2012 để thực hiện Gói thầu số 20 "Thi công kết cấu móng và tầng hầm đến cao độ +0.0 m" ("Gói thầu số 20") thuộc Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM với tổng giá trị là 166,6 tỷ VND (hợp đồng đơn giá điều chỉnh). Tổng công ty đã thực hiện thanh toán cho nhà thầu này theo tiến độ các đợt thanh toán và nghiệm thu khối lượng công trình như quy định trong hợp đồng với tổng số tiền là 140,8 tỷ VND.

Gói thầu thi công chậm tiến độ do trong quá trình thi công có một số thay đổi, phát sinh. Sau nhiều lần làm việc, hồ sơ quyết toán A-B chưa được Liên danh nhà thầu hoàn thiện. Ngày 04/5/2018, đại diện Liên danh nhà thầu là Posco E&C Việt Nam đã gửi đơn kiện lên Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đề nghị giải quyết tranh chấp giữa Liên danh nhà thầu và Tổng công ty liên quan đến Gói thầu số 20. Tổng số tiền Tổng công ty đã thanh toán cho nhà thầu số tiền là 140,8 tỷ VND. Tuy nhiên, Posco E&C Việt Nam đề nghị giá trị quyết toán với Tổng công ty là 194,7 tỷ VND (cao hơn 53,9 tỷ VND so với giá trị đã thanh toán) nhưng Tổng công ty cho rằng không có cơ sở để chấp thuận.

Ngày 29/11/2021 Tòa án nhân dân quận Đống Đa thành phố Hà Nội đã ban hành bản án Sơ thẩm lần 2 số 78/2021/KDTM-ST, theo đó buộc Tổng công ty phải thanh toán trả cho Liên danh nhà thầu số tiền 53,9 tỷ đồng và số tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 29/11/2021 là 27,5 tỷ đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Tổng công ty đối với Liên danh; buộc Liên danh nhà thầu phải thanh toán trả cho Tổng công ty số tiền phạt vi phạm thi công chậm tiến độ là 7,99 tỷ đồng. Ngày 10/12/2021, Tổng công ty đã gửi đơn kháng cáo số 2353/VICEM-KTPC đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021 để tiếp tục được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có Thông báo số 60/TBTL-TA ngày 08/3/2022 về việc thụ lý vụ án kinh doanh thương mại giai đoạn phúc thẩm. Do đó, Tổng công ty chưa có đầy đủ cơ sở để ghi nhận cho các khoản phải thanh toán bổ sung, nếu có, từ vụ kiện này.



**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**35. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hầu hết hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong năm được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker. Các ngành nghề kinh doanh liên quan bao gồm: kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng; cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng; lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng; và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh. Vì vậy, không có báo cáo bộ phận cần trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

**37. THÔNG TIN KHÁC**

Đại dịch viêm đường hô hấp Covid -19 xuất hiện đầu năm 2020 đến nay vẫn chưa được khống chế đã ảnh hưởng tiêu cực tới tất cả hoạt động của xã hội. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang tiếp tục theo dõi biến động của thị trường, đánh giá rủi ro một cách thận trọng để có các quyết định phù hợp đối với hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư của Tổng công ty trong thời gian tới.

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập



Trịnh Thị Hương

Kế toán trưởng



Văn Quang Đức



Lê Nam Khánh